

THANH TRA CHÍNH PHỦ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **718** /TTCP-PCHà Nội, ngày **10** tháng **3** năm **2023**V/v lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị
định về thanh tra chuyên ngành**THANH TRA TỈNH BÌNH PHƯỚC****ĐẾN**Số: **58** Kính gửi: - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;Ngày: **14/3/2023** - Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.Chuyển: **VP, C.P.N.V.**Lưu hồ sơ số: **.....**

Thực hiện Quyết định số 1529/QĐ-TTg ngày 12/12/2022 của Thủ tướng

Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 4, Thanh tra Chính phủ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

Để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị định trước khi gửi Bộ Tư pháp thẩm định và trình Chính phủ, Thanh tra Chính phủ trân trọng đề nghị Quý cơ quan tham gia ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình gửi kèm Công văn này.

Văn bản góp ý xin gửi về Thanh tra Chính phủ (qua Vụ Pháp chế) theo địa chỉ: Lô D29, đường Phạm Văn Bạch, Yên Hòa, Cầu giấy, Hà Nội; đồng thời gửi file điện tử văn bản góp ý vào địa chỉ hộp thư: vuphapche@thanhtra.gov.vn trước ngày 31/3/2023.

Rất mong nhận được sự cộng tác, phối hợp của Quý cơ quan. *bp*

Nơi nhận: *bp*

- Như trên;
- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Phó Tổng TTCP Trần Ngọc Liêm;
- Thanh tra các Bộ ngành, địa phương;
- Lưu: VT, PC. **85**

**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA****Trần Ngọc Liêm**

THANH TRA CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TTr-TTCP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

Thực hiện Quyết định số 1529/QĐ-TTg ngày 12/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 4, Thanh tra Chính phủ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành (sau đây gọi chung là dự thảo Nghị định). Thanh tra Chính phủ kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định với những nội dung cơ bản như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Luật Thanh tra đã được Quốc hội thông qua vào ngày 14/11/2022 với nhiều nội dung mới liên quan đến cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành. Luật đã giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung này, cụ thể gồm:

1. Điểm c khoản 2 Điều 18 về Thanh tra Tổng cục, Cục được thành lập tại Tổng cục, Cục thuộc Bộ có phạm vi đối tượng quản lý nhà nước chuyên ngành, lĩnh vực lớn, phức tạp, quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội;
 2. Điểm b khoản 2 Điều 26 về Thanh tra sở tại sở có phạm vi quản lý rộng và yêu cầu quản lý chuyên ngành phức tạp;
 3. Điều 34 về việc thành lập cơ quan thanh tra ở cơ quan thuộc Chính phủ;
 4. Khoản 2 Điều 35 về nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của cơ quan thanh tra ở cơ quan thuộc Chính phủ;
 5. Khoản 2 Điều 36 về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;
 6. Khoản 3 Điều 37 về hoạt động thanh tra và việc thực hiện kết luận thanh tra của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;
 7. Khoản 3 Điều 38 về người được giao thực nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành.
- Do đó, việc ban hành Nghị định quy định về cơ quan thực hiện chức năng

thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành nhằm quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật Thanh tra là cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Việc xây dựng dự thảo Nghị định phải bảo đảm các quan điểm, nguyên tắc sau đây:

1. Thể chế hoá các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước và các quy định của Luật Thanh tra năm 2022; quy định chi tiết và đầy đủ những nội dung mà Quốc hội giao Chính phủ hướng dẫn thi hành tại Luật Thanh tra về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

2. Nghị định phải góp phần giải quyết những bất cập đang đặt ra trong thực tiễn và bảo đảm sự thống nhất trong tổ chức của các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

3. Nghị định phải có cơ cấu, bố cục hợp lý; nội dung khả thi; đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU, XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Ngay sau khi được giao chủ trì xây dựng Nghị định, Thanh tra Chính phủ đã thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập với thành phần là đại diện Thanh tra Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ và các cơ quan khác có liên quan. Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã khẩn trương triển khai các hoạt động cần thiết để xây dựng dự thảo Nghị định, gồm:

- Nghiên cứu các nội dung của Luật Thanh tra năm 2022 và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo có sự tham gia của thanh tra viên có nhiều kinh nghiệm, các chuyên gia pháp lý, cán bộ quản lý của các Bộ ngành, địa phương để trao đổi, thảo luận về các nội dung của dự thảo Nghị định.

- Trực tiếp khảo sát, trao đổi với các cơ quan, đơn vị có đề nghị thành lập cơ quan thanh tra và cơ quan được giao chức năng thanh tra chuyên ngành tại các Bộ ngành.

- Giới thiệu Dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Thanh tra Chính phủ để lấy ý kiến Nhân dân; lấy ý kiến chính thức của các Bộ ngành, địa phương bằng văn bản; nghiên cứu, tiếp thu ý kiến hoàn thiện Dự thảo.

- Gửi Dự thảo và các tài liệu có liên quan đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định; nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

- Hoàn thiện dự thảo Nghị định và các tài liệu khác trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC, CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định được kết cấu thành 5 chương với tổng số 37 điều, cụ thể như sau:

Chương I: “Quy định chung” gồm 3 điều, từ Điều 1 đến Điều 3, quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị định, nguyên tắc tổ chức và hoạt động thanh tra chuyên ngành.

Chương II: “Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Thanh tra Tổng cục, Cục thuộc Bộ; Thanh tra sở”, gồm 12 điều, từ Điều 4 đến Điều 12. Chương này được chia làm 3 mục, trong đó Mục 1 quy định về Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Mục 2 quy định về Thanh tra Tổng cục, Cục thuộc Bộ, Mục 3 quy định về Thanh tra sở.

Chương III: “Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành”, gồm 7 điều, từ Điều 13 đến Điều 19.

Chương IV: “Hoạt động thanh tra của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và việc thực hiện kết luận thanh tra của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành”, gồm 15 điều, từ Điều 20 đến Điều 34. Chương này được chia làm 2 mục, trong đó Mục 1 quy định về hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, Mục 2 quy định về thực hiện kết luận thanh tra của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

Chương V: “Điều khoản thi hành”, gồm 3 điều, từ Điều 35 đến Điều 37, quy định về việc bãi bỏ, sửa đổi một số Nghị định có liên quan, hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành Nghị định.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Trên cơ sở được giao cụ thể tại các điều khoản trong Luật Thanh tra, Điều 1 của dự thảo Nghị định xác định phạm vi điều chỉnh: quy định chi tiết về Thanh tra Tổng cục, Cục được thành lập tại Tổng cục, Cục thuộc Bộ có phạm vi đối tượng quản lý nhà nước chuyên ngành, lĩnh vực lớn, phức tạp, quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội; về Thanh tra sở tại sở có phạm vi quản lý rộng và yêu cầu quản lý chuyên ngành phức tạp; việc thành lập cơ quan thanh tra ở cơ quan thuộc Chính phủ; nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của cơ quan thanh tra ở cơ quan thuộc Chính phủ; về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; về hoạt động thanh tra và việc thực hiện kết luận thanh tra của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; về người được giao thực hiện vụ thanh tra chuyên ngành.

2.2. Đối tượng áp dụng

Trên cơ sở phạm vi điều chỉnh được xác định tại Điều 1 của dự thảo Nghị

định, Điều 2 của dự thảo Nghị định xác định đối tượng áp dụng là những cơ quan, người có thẩm quyền, trách nhiệm trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện thanh tra và thực hiện các kết luận, kiến nghị sau thanh tra. Đối tượng điều chỉnh của Nghị định gồm: cơ quan quản lý nhà nước, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; Chánh Thanh tra bộ, Chánh thanh tra Tổng cục, Cục và tương đương thuộc Bộ; Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Chánh thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Thanh tra sở, Chánh Thanh tra sở; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành, thành viên Đoàn thanh tra chuyên ngành; đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2.3. Về việc thành lập Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Thanh tra Tổng cục, Cục thuộc Bộ; Thanh tra sở

a) Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam:

Theo quy định tại Điều 34 Luật Thanh tra, Chính phủ xem xét, quyết định việc thành lập cơ quan thanh tra ở cơ quan thuộc Chính phủ khi đáp ứng các điều kiện: Được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước; được luật giao nhiệm vụ thanh tra.

Qua rà soát cho thấy trong các cơ quan thuộc Chính phủ hiện nay, cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam là cơ quan nhà nước có chức năng thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, quản lý và sử dụng các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; thanh tra việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Với vị trí, chức năng và nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu của Luật Thanh tra, dự thảo Nghị định quy định về việc thành lập cơ quan thanh tra tại Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Điều 4 của dự thảo Nghị định quy định về vị trí, chức năng của Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Theo đó, Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam là cơ quan của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật, bảo đảm không chồng chéo với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan khác có thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

Dự thảo Nghị định cũng quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam (Điều 5); nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam (Điều 6); tổ chức, hoạt động của Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam (Điều 7); thanh tra viên ở thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam (Điều 8). Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Chánh Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam gồm các nhóm nhiệm vụ, quyền hạn về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Các nhiệm vụ về thanh tra gồm xây dựng kế hoạch thanh tra, tổ

chức thực hiện thanh tra chuyên ngành theo quy định và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị thanh tra và tổng hợp, báo cáo kết quả công tác thanh tra.

Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên và viên chức. Chánh Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam do Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, biệt phái sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Thanh tra Chính phủ.

b) Thanh tra Tổng cục, Cục thuộc Bộ:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Thanh tra, Thanh tra Tổng cục, Cục thuộc Bộ được thành lập trong các trường hợp: Theo quy định của luật; theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tại Tổng cục, cục thuộc Bộ có phạm vi đối tượng quản lý chuyên ngành, lĩnh vực lớn, phức tạp, quan trọng đối với phát triển kinh tế xã hội theo quy định của Chính phủ.

Để cụ thể hóa nhiệm vụ Luật giao, căn cứ vào đề nghị của các Bộ ngành và sau khi đánh giá thực tiễn của việc cần thiết thành lập cơ quan thanh tra Tổng cục, Cục thuộc Bộ, Điều 9 của dự thảo Nghị định quy định các cơ quan thanh tra Tổng cục, Cục thuộc Bộ bao gồm:

- Thanh tra Cục An toàn bức xạ và hạt nhân;
- Thanh tra Cục Đường bộ;
- Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam;
- Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam;
- Thanh tra Tổng cục Thuế;
- Thanh tra Tổng cục Hải quan;
- Thanh tra Ủy ban Chứng khoán nhà nước.

Theo quy định tại Điều 10 của dự thảo Nghị định, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Tổng cục, Cục thuộc Bộ, nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Tổng cục, Cục thuộc Bộ, tổ chức, hoạt động của Thanh tra Tổng cục, Cục thuộc Bộ được thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra. Đồng thời, việc thành lập Thanh tra Tổng cục, Cục thuộc Bộ phải bảo đảm đáp ứng các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế, pháp luật về thanh tra và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Theo văn bản đề nghị của các Bộ ngành và kết quả khảo sát, đánh giá về nhu cầu thanh tra tại các cơ quan, đơn vị, Thanh tra Chính phủ nhận thấy một số đề nghị thành lập cơ quan thanh tra tại các Tổng cục, Cục thuộc Bộ chưa thực sự cần thiết. Bộ Công thương đề nghị thành lập cơ quan thanh tra tại Tổng cục Quản lý thị trường. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo thấy rằng quản lý thị trường là lực lượng được tổ chức theo ngành dọc từ trung ương đến địa phương, đã được pháp

luật quy định đầy đủ thẩm quyền kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác để thực hiện nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực quản lý thị trường¹. Do vậy, việc tổ chức cơ quan thanh tra tại Tổng cục Quản lý thị trường là không cần thiết mà chỉ cần giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành như hiện nay.

Bộ Giao thông vận tải đề nghị thành lập cơ quan thanh tra tại Cục Đường thủy nội địa, Cục Đường sắt, Cục đường cao tốc. Tuy nhiên cơ quan soạn thảo nhận thấy thực tế để bảo đảm nhu cầu quản lý, các cơ quan quản lý trong lĩnh vực này chủ yếu thực hiện kiểm tra thường xuyên. Vì vậy, không cần thiết phải thành lập cơ quan thanh tra tại các đơn vị này mà chỉ nên giao chức năng thanh chuyên ngành cho Cục Đường thủy và Cục Đường sắt để tiến hành thanh tra trong trường hợp cần thiết. Đối với lĩnh vực đường cao tốc, phạm vi và đối tượng quản lý không lớn và có phần trùng lặp với Cục Đường bộ nên không cần thiết có hoạt động thanh tra riêng.

c) Thanh tra sở:

Theo quy định tại điểm b, Điều 26 của Luật Thanh tra, Thanh tra sở được thành lập tại sở có phạm vi quản lý rộng và yêu cầu quản lý chuyên ngành phức tạp theo quy định của Chính phủ. Để quy định chi tiết nội dung này, trên cơ sở nhu cầu thực tiễn hiện nay², Điều 11 của dự thảo Nghị định quy định Thanh tra sở gồm:

- Thanh tra Sở Giao thông vận tải;
- Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thanh tra Sở Tài chính;
- Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Thanh tra Sở Xây dựng;
- Thanh tra Sở Y tế.

Thanh tra sở khác được thành lập theo quy định của luật và do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định căn cứ vào yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương và biên chế được giao.

Theo quy định tại Điều 12 của dự thảo Nghị định, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra sở, Chánh Thanh tra sở, tổ chức, hoạt động của Thanh tra sở quy định tại Nghị định được thực hiện theo quy định của Luật

¹ Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 30/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng quản lý thị trường; Thông tư số 20/2021/TT-BCT ngày 10/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2020/TT-BTC.

² Thanh tra Chính phủ đã có công văn đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW đề xuất và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên các sở được thành lập cơ quan thanh tra, trên cơ sở đó đã xem xét, quy định 07 sở có lựa chọn ưu tiên cao nhất trong dự thảo Nghị định.

Thanh tra. Việc thành lập phải bảo đảm đáp ứng các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế của pháp luật về chính quyền địa phương, pháp luật về thanh tra và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2.4. Về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

Chương III của dự thảo Nghị định quy định về các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, bao gồm một số Tổng cục, Cục và tương đương thuộc Bộ, các Cục và tương đương thuộc Tổng cục (Điều 14, Điều 15). Các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được quy định trên cơ sở xem xét, đánh giá nhu cầu thực tiễn hiện nay nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và ngăn chặn, phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, bảo đảm hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước trên các mặt của đời sống xã hội.

Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có đầu mối tham mưu về công tác thanh tra. Nhiệm vụ tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành được giao trong văn bản quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành (Điều 16). Dự thảo Nghị định cũng quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành (Điều 17); nhiệm vụ, quyền hạn của thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành (Điều 18); người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành (Điều 19). Các nhiệm vụ, quyền hạn này được quy định nhằm bảo đảm thẩm quyền thanh tra cho các cơ quan được giao, trên cơ sở tinh thần của Luật Thanh tra.

Theo quy định của Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành, một số Chi cục thuộc Cục và tương đương, Chi cục thuộc Sở được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành. Tuy nhiên, thực tế cho thấy các chi cục chủ yếu thực hiện nhiệm vụ kiểm tra mà hầu như không thành lập Đoàn thanh tra để tiến hành thanh tra. Để đảm bảo tính chuyên nghiệp trong hoạt động thanh tra, dự thảo Nghị định không quy định các Chi cục và tương đương được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành. Các Chi cục trong phạm vi quản lý của mình thực hiện kiểm tra đối với các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực mình được giao quản lý; trường hợp cần thanh tra chuyên ngành thì sẽ do Thanh tra Cục, Thanh tra Sở thực hiện.

Bộ Giao thông đề nghị giao chức năng thanh tra chuyên ngành cho Cục Đăng kiểm Việt Nam. Cơ quan soạn thảo thấy rằng Cục Đăng kiểm Việt Nam chủ yếu kiểm tra các điều kiện tiêu chuẩn kỹ thuật của các phương tiện đăng kiểm và giám sát việc thực hiện quy trình đăng kiểm nên chỉ cần tổ chức hoạt động kiểm tra thường xuyên. Trường hợp cần thiết tiến hành thanh tra thì Thanh tra Bộ Giao thông sẽ đảm nhiệm.

Ngoài ra một số Bộ ngành đề nghị giao chức năng thanh tra chuyên ngành cho một số đơn vị thuộc Bộ. Tuy nhiên, qua phân tích, đánh giá yêu cầu quản lý và thực tiễn các số liệu thống kê về hoạt động thanh tra, kiểm tra được các Bộ ngành báo cáo thì các đơn vị này chủ yếu thực hiện kiểm tra thường xuyên để bảo đảm trật tự trong lĩnh vực mình phụ trách, do đó không cần thiết phải giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành. Về thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp sẽ rà soát để trình Chính phủ ban hành danh mục cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính sau khi có sự đồng ý của Ủy ban thường vụ Quốc hội để bảo đảm các cơ quan này có thể tiếp tục thực hiện quyền xử phạt hành chính thông qua hoạt động kiểm tra³.

2.5. Về hoạt động thanh tra của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và việc thực hiện kết luận thanh tra chuyên ngành

Mục 1 Chương IV của dự thảo Nghị định quy định về hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành. Điều 20 của dự thảo Nghị định quy định, hoạt động thanh tra của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành do Đoàn thanh tra thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Thanh tra và Nghị định này. Quy định này nhằm bảo đảm tuân thủ về trình tự, thủ tục trong hoạt động thanh tra đã được Luật Thanh tra quy định, nhằm bảo đảm hoạt động thanh tra có chất lượng, hiệu quả.

Dự thảo Nghị định quy định về nguyên tắc tiến hành thanh tra của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành (Điều 20), việc xây dựng kế hoạch thanh tra (Điều 21), báo cáo trong trường hợp ra quyết định thanh tra đột xuất (Điều 22), thời hạn thanh tra (Điều 23), xử lý chồng chéo, trùng lặp (Điều 24), thẩm quyền quyết định thanh tra lại (Điều 25), Đoàn thanh tra (Điều 26), xây dựng, phổ biến kế hoạch tiến hành thanh tra (Điều 27), thời hạn xây dựng báo cáo kết quả thanh tra (Điều 28), thời hạn xây dựng dự thảo kết luận thanh tra (Điều 29), thẩm định dự thảo kết luận thanh tra (Điều 30) và ban hành kết luận thanh tra (Điều 31).

Các quy định về hoạt động của các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành từ Điều 20 đến Điều 31 của dự thảo Nghị định được quy định bám sát tinh thần của Luật Thanh tra, trong đó bảo đảm phù hợp với thực tiễn hoạt động của các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra mà không phải là một cơ quan thanh tra độc lập. Các nội dung khác được thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra và Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

Mục 2 Chương IV của dự thảo Nghị định quy định một số nội dung về việc thực hiện kết luận thanh tra của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành. Tại Điều 32 quy định nguyên tắc thực hiện kết luận thanh tra chuyên ngành phải được thực hiện theo các quy định của Luật Thanh tra, các quy định có liên quan tại Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

³ Khoản 2 Điều 53 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi).

hành Luật Thanh tra và các quy định tại Nghị định này. Điều 33 quy định quy định trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, Điều 34 quy định về theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra. Các quy định này nhằm bảo đảm kết luận, kiến nghị của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được thực hiện đúng, đầy đủ, góp phần bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của hoạt động thanh tra.

2.6. Về bãi bỏ các Nghị định liên quan đến cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

Hiện nay, theo thống kê có 18 Nghị định của Chính phủ quy định về cơ quan thanh tra theo ngành, lĩnh vực và hoạt động thanh tra chuyên ngành không còn phù hợp với Luật Thanh tra 2022 và được thay thế trực tiếp bởi Nghị định này. Do đó, để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu lực của pháp luật trong lĩnh vực thanh tra, dự thảo Nghị định quy định tại Điều 35 về việc bãi bỏ các Nghị định này.

Trên đây là những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, Thanh tra Chính phủ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC.

TỔNG THANH TRA

Đoàn Hồng Phong

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Dự thảo 1

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Xét đề nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Thanh tra, bao gồm:

- Điều c khoản 2 Điều 18 về Thanh tra Tổng cục, Cục được thành lập tại Tổng cục, Cục thuộc Bộ có phạm vi đối tượng quản lý nhà nước chuyên ngành, lĩnh vực lớn, phức tạp, quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội;
- Điều b khoản 2 Điều 26 về Thanh tra sở tại sở có phạm vi quản lý rộng và yêu cầu quản lý chuyên ngành phức tạp;
- Điều 34 về việc thành lập cơ quan thanh tra ở cơ quan thuộc Chính phủ;
- Khoản 2 Điều 35 về nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của cơ quan thanh tra ở cơ quan thuộc Chính phủ;
- Khoản 2 Điều 36 về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;
- Khoản 3 Điều 37 về hoạt động thanh tra và việc thực hiện kết luận thanh tra của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;

7. Khoản 3 Điều 38 về người được giao thực nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; Chánh Thanh tra Bộ, Chánh thanh tra Tổng cục, Cục và tương đương thuộc Bộ; Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Chánh thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Thanh tra sở, Chánh Thanh tra sở; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành, thành viên Đoàn thanh tra chuyên ngành; đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động thanh tra chuyên ngành

Tổ chức và hoạt động thanh tra chuyên ngành phải phù hợp với các nguyên tắc về tổ chức và hoạt động thanh tra, phù hợp với tính chất, đặc điểm về ngành, lĩnh vực quản lý được quy định tại Luật Thanh tra và Nghị định này.

Chương II

THANH TRA BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM; THANH TRA TỔNG CỤC, CỤC THUỘC BỘ; THANH TRA SỞ

Mục 1

THANH TRA BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Điều 4. Vị trí, chức năng của Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam

1. Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam là cơ quan của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật, bảo đảm không chồng chéo với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan khác có thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam chịu sự chỉ đạo, điều hành của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam và chịu sự chỉ đạo về công tác thanh tra, hướng dẫn về công tác thanh tra của Thanh tra Chính phủ.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam

1. Trong lĩnh vực thanh tra, Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, hướng dẫn Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra để tổng hợp và trình Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thanh tra của Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh;

c) Thanh tra chuyên ngành bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật;

d) Thanh tra vụ việc khác khi được Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam giao;

đ) Thanh tra lại vụ việc đã có kết luận của Giám đốc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh;

e) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị của Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam, quyết định xử lý về thanh tra của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

g) Kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của kết luận thanh tra của Giám đốc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh và quyết định xử lý sau thanh tra của Giám đốc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh đối với vụ việc do Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam kết luận khi cần thiết;

h) Hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra đối với Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh;

i) Tổng hợp, báo cáo kết quả công tác thanh tra.

2. Giúp Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

3. Giúp Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Trong lĩnh vực thanh tra, Chánh Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; lãnh đạo Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Thanh tra, Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

2. Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

3. Đề nghị Giám đốc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh tiến hành thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp Giám đốc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh không thực hiện thì ra quyết định thanh tra hoặc báo cáo Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét, quyết định;

4. Quyết định thanh tra lại vụ việc đã có kết luận của Giám đốc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

5. Xử phạt vi phạm hành chính hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

6. Đề nghị Giám đốc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh xem xét, chấn chỉnh, khắc phục sai phạm thuộc phạm vi quản lý do Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam phát hiện qua thanh tra;

7. Xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra của các cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh theo quy định tại Điều 24 của Nghị định này;

8. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ, hủy bỏ hoặc bãi bỏ quy định trái pháp luật được phát hiện qua thanh tra;

9. Kiến nghị Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam có hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra; yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức khác xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra;

10. Kiến nghị Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam giải quyết vấn đề liên quan đến công tác thanh tra.

Điều 7. Tổ chức, hoạt động của Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam

1. Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên và viên chức.

Chánh Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam do Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, biệt phái sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Thanh tra Chính phủ.

2. Tổ chức của Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Hoạt động thanh tra của Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra, quy định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

Điều 8. Thanh tra viên ở Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam

1. Thanh tra viên ở cơ quan Thanh tra bảo hiểm xã hội Việt Nam là viên chức được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong hoạt động thanh tra theo quy định của pháp luật.

Tiêu chuẩn, việc bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên, miễn nhiệm thanh tra viên, trang phục, thẻ và chế độ, chính sách đối với thanh tra viên ở cơ quan Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra, quy định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra và Nghị định này.

2. Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam bổ nhiệm viên chức vào các ngạch thanh tra viên, thanh tra viên chính; Bộ trưởng Bộ Nội vụ bổ nhiệm viên chức vào ngạch thanh tra viên cao cấp.

3. Thanh tra viên ở Thanh tra bảo hiểm xã hội Việt Nam được cấp trang phục thanh tra, thẻ thanh tra, phù hiệu, biển hiệu theo quy định. Trường hợp cần có trang phục thanh tra riêng thì Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam xin ý kiến, thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ quy định.

Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý và cấp thẻ thanh tra cho các ngạch thanh tra viên thuộc quyền quản lý của mình.

4. Thanh tra viên là viên chức được hưởng các quyền lợi như viên chức khác theo quy định của pháp luật; được hưởng lương, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra và các chế độ, chính sách đặc thù khác theo quy định.

Mục 2

THANH TRA TỔNG CỤC, CỤC THUỘC BỘ

Điều 9. Cơ quan Thanh tra Tổng cục, Cục thuộc Bộ

Cơ quan Thanh tra Tổng cục, Cục thuộc Bộ bao gồm:

1. Thanh tra Cục An toàn bức xạ và hạt nhân;
2. Thanh tra Cục Đường bộ;
3. Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam;
4. Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam;
5. Thanh tra Tổng cục Thuế;
6. Thanh tra Tổng cục Hải quan;
7. Thanh tra Ủy ban Chứng khoán nhà nước.

Điều 10. Tổ chức, hoạt động của Thanh tra Tổng cục, Cục thuộc Bộ

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Tổng cục, Cục thuộc Bộ, nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Tổng cục, Cục thuộc Bộ, tổ chức, hoạt động của Thanh tra Tổng cục, Cục thuộc Bộ quy định tại Điều 9 của Nghị định này được thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra.

2. Việc thành lập Thanh tra Tổng cục, Cục thuộc Bộ phải bảo đảm đáp ứng các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế, pháp luật về thanh tra và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Mục 3

THANH TRA SỞ

Điều 11. Cơ quan Thanh tra sở

1. Thanh tra sở được thành lập theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Luật Thanh tra bao gồm:

- a) Thanh tra Sở Giao thông vận tải;
- b) Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo;
- c) Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- d) Thanh tra Sở Tài chính;
- đ) Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường;
- e) Thanh tra Sở Xây dựng;
- g) Thanh tra Sở Y tế.

2. Thanh tra sở khác được thành lập theo quy định của Luật và do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định căn cứ vào yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương và biên chế được giao.

Điều 12. Tổ chức, hoạt động của Thanh tra sở

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra sở, Chánh Thanh tra sở và tổ chức, hoạt động của Thanh tra sở quy định tại Điều 11 của Nghị định này được thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra.

2. Việc thành lập Thanh tra sở phải bảo đảm đáp ứng các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế của pháp luật về chính quyền địa phương, pháp luật về thanh tra và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Tại những sở không thành lập cơ quan thanh tra, Giám đốc sở giao đơn vị thuộc sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Chương III

CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO THỰC HIỆN CHỨC NĂNG THANH TRA CHUYÊN NGÀNH

Điều 13. Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành là cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực và cơ quan khác được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, bao gồm các Tổng cục, Cục thuộc Bộ, cơ quan khác được quy định tại Điều 14, Điều 15 của Nghị định này.

Điều 14. Tổng cục, Cục và tương đương thuộc Bộ được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

1. Bộ Công Thương: Tổng cục Quản lý thị trường; Ủy ban Canh tranh quốc gia; Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp; Cục Điều tiết điện lực.

2. Bộ Giao thông vận tải: Cục Đường sắt Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Tổng cục Thống kê.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Cục Quản lý Lao động ngoài nước, Cục An toàn lao động.

6. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Cục Thủy lợi, Cục Thú y, Cục Chăn nuôi, Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

7. Bộ Nội vụ: Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Ban Tôn giáo Chính phủ, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước.

8. Bộ Tài chính: Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

9. Bộ Tài nguyên và Môi trường: Cục Địa chất Việt Nam, Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Cục Đất đai.

Điều 15. Cục thuộc Tổng cục và tương đương được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

1. Cục Hải quan.
2. Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh.
3. Cục Thống kê.
4. Cục Thuế.
5. Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 16. Tổ chức tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành

Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có tổ chức tham mưu về công tác thanh tra. Nhiệm vụ tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành được giao trong văn bản quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

1. Tổng cục, Cục và tương đương thuộc Bộ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng kế hoạch thanh tra gửi Thanh tra Bộ tổng hợp vào kế hoạch thanh tra của Bộ; tổ chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra của mình trong kế hoạch thanh tra của Bộ.

Hướng dẫn xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra của Cục trực thuộc được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành để tổng hợp vào kế hoạch thanh tra của Bộ;

b) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thanh tra của Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;

c) Thanh tra những vụ việc khác do Bộ trưởng giao;

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của mình;

đ) Tổng hợp, báo cáo kết quả thanh tra.

2. Cục và tương đương thuộc Tổng cục có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng kế hoạch thanh tra gửi Thanh tra Tổng cục, Thanh tra Cục thuộc Bộ hoặc gửi Tổng cục, Cục thuộc Bộ trong trường hợp không có Thanh tra Tổng cục, Thanh tra Cục để tổng hợp vào kế hoạch thanh tra của Bộ; tổ chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra của mình trong kế hoạch thanh tra của Bộ;

b) Thanh tra những vụ việc khác do Tổng cục trưởng, Cục trưởng giao;

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của mình;

d) Tổng hợp, báo cáo kết quả thanh tra.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra chuyên ngành được giao;

2. Quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo yêu cầu của người có thẩm quyền; phân công công chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành;

3. Kiến nghị người có thẩm quyền xử lý việc chòng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra trong phạm vi quản lý của cơ quan mình;

4. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra;

5. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành

1. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Đoàn thanh tra là thanh tra viên theo quy định của Luật Thanh tra và Nghị định này.

2. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành phải bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn được quy định tại khoản 3 Điều 38 của Luật Thanh tra và các điều kiện khác tùy theo đặc thù của ngành, lĩnh vực do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quy định.

3. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành có trang phục, thẻ thanh tra chuyên ngành và được hưởng chế độ bồi dưỡng khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

Trang phục và thẻ thanh tra chuyên ngành do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quy định.

Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ bồi dưỡng đối với người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành.

CHƯƠNG IV

HOẠT ĐỘNG THANH TRA CỦA CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO THỰC HIỆN CHỨC NĂNG THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VÀ VIỆC THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA CỦA CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO THỰC HIỆN CHỨC NĂNG THANH TRA CHUYÊN NGÀNH

Mục 1

HOẠT ĐỘNG THANH TRA CỦA CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO THỰC HIỆN CHỨC NĂNG THANH TRA CHUYÊN NGÀNH

Điều 20. Nguyên tắc tiến hành thanh tra của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

1. Hoạt động thanh tra của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành do Đoàn thanh tra thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Thanh tra, quy định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra và Nghị định này.

2. Hoạt động thanh tra của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành phải gắn với việc thực hiện nhiệm vụ về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ nhằm phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 21. Xây dựng kế hoạch thanh tra

1. Chậm nhất vào ngày 10 tháng 11 hằng năm, Tổng cục, Cục và tương đương thuộc Bộ gửi dự thảo kế hoạch thanh tra của cơ quan mình đến Thanh tra Bộ để tổng hợp vào kế hoạch thanh tra của Bộ.

2. Chậm nhất ngày 01 tháng 11 hằng năm, Cục và tương đương thuộc Tổng cục gửi dự thảo kế hoạch thanh tra của cơ quan mình đến Thanh tra Tổng cục hoặc gửi đến Tổng cục trong trường hợp Tổng cục không thành lập cơ quan thanh tra để tổng hợp.

Điều 22. Báo cáo trong trường hợp ra quyết định thanh tra đột xuất

1. Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra ra quyết định thanh tra đột xuất phải gửi quyết định thanh tra để báo cáo Chánh thanh tra của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp; trường hợp cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp không thành lập cơ quan thanh tra thì báo cáo Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.

2. Trường hợp thanh tra đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì phải gửi quyết định thanh tra để báo cáo cơ quan giao nhiệm vụ thanh tra.

Điều 23. Thời hạn thanh tra

1. Thời hạn thực hiện một cuộc thanh tra được xác định trong quyết định thanh tra như sau:

a) Cuộc thanh tra do Tổng cục, Cục và tương đương thuộc Bộ tiến hành không quá 45 ngày; trường hợp phức tạp thì có thể gia hạn một lần không quá 30 ngày;

b) Cuộc thanh tra do Cục và tương đương thuộc Tổng cục tiến hành không quá 30 ngày; trường hợp phức tạp hoặc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì có thể gia hạn một lần không quá 15 ngày.

2. Thời hạn tạm dừng cuộc thanh tra quy định tại Điều 70 của Luật Thanh tra không tính vào thời hạn thanh tra.

3. Cuộc thanh tra được gia hạn trong trường hợp phức tạp theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật Thanh tra; việc gia hạn thời hạn thanh tra do người ra quyết định thanh tra chuyên ngành quyết định.

Điều 24. Xử lý chồng chéo, trùng lặp

1. Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành nếu phát hiện chồng chéo, trùng lặp với hoạt động kiểm toán nhà nước thì phải phối hợp với cơ quan kiểm toán nhà nước để xử lý theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước và Luật Thanh tra, bảo đảm một nội dung hoạt động của tổ chức, cá nhân chỉ là đối tượng của một cơ quan thanh tra hoặc cơ quan kiểm toán nhà nước.

2. Chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động giữa cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành với các cơ quan thanh tra khác được xử lý như sau:

a) Chồng chéo, trùng lặp với hoạt động của Thanh tra Chính phủ thì Thanh tra Chính phủ tiến hành thanh tra;

b) Chồng chéo, trùng lặp với hoạt động của Thanh tra Bộ thì trao đổi với Thanh tra Bộ để xử lý; trường hợp không thống nhất được thì Thanh tra Bộ tiến hành thanh tra;

c) Chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động thanh tra của các Tổng cục, Cục thuộc Bộ được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thì các Tổng cục trưởng, Cục trưởng Cục thuộc Bộ trao đổi để xử lý, trường hợp không thống nhất được thì báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định;

d) Chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động thanh tra của Tổng cục, Cục thuộc Bộ được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành với Thanh tra tỉnh, Thanh tra sở hoặc Thanh tra huyện thì Tổng cục trưởng, Cục trưởng trao đổi với Chánh Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra sở hoặc Chánh Thanh tra huyện để xử lý; trường hợp không thống nhất được thì Tổng cục, Cục thuộc Bộ được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành tiến hành thanh tra;

đ) Chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động thanh tra của các Cục thuộc Tổng cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành với Tổng cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thì Cục trưởng, Tổng cục trưởng trao đổi để xử lý, trường hợp không thống nhất được thì Tổng cục tiến hành thanh tra;

e) Chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động của các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành với cơ quan thanh tra của cơ quan thuộc Chính phủ thì Chánh Thanh tra Bộ trao đổi với Thủ trưởng cơ quan thanh tra của cơ quan thuộc Chính phủ để xử lý; trường hợp không thống nhất được thì Chánh Thanh tra Bộ báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ xem xét, quyết định;

g) Chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động thanh tra của các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành với nhau thì các cơ quan được giao thực hiện thanh tra chuyên ngành trao đổi để xử lý, trường hợp không thống nhất được thì cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành cấp trên tiến hành thanh tra.

Điều 25. Thẩm quyền quyết định thanh tra lại

1. Chánh Thanh tra Bộ quyết định thanh tra lại vụ việc đã có kết luận của Tổng cục trưởng, Cục trưởng Cục thuộc Bộ được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

2. Tổng cục trưởng quyết định thanh tra lại vụ việc đã có kết luận của Cục trưởng Cục thuộc Tổng cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

Điều 26. Đoàn thanh tra

1. Người ra quyết định thanh tra thành lập Đoàn thanh tra để tiến hành cuộc thanh tra theo phạm vi, đối tượng, nội dung, nhiệm vụ, thời hạn ghi trong quyết định thanh tra.

Đoàn thanh tra có Trưởng đoàn thanh tra, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành; trường hợp cần thiết có Phó Trưởng đoàn thanh tra.

2. Trưởng Đoàn thanh tra, Phó Trưởng đoàn thanh tra do Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành phân công.

a) Đối với Đoàn thanh tra do Tổng Cục trưởng, Cục trưởng Cục thuộc Bộ thành lập thì Trưởng đoàn thanh tra phải từ Phó trưởng phòng hoặc chuyên viên chính hoặc tương đương trở lên;

b) Đối với Đoàn thanh tra do Cục trưởng Cục thuộc Tổng cục thành lập thì Trưởng đoàn thanh tra phải từ chuyên viên hoặc tương đương trở lên;

c) Trưởng đoàn thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 81 của Luật Thanh tra; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước người ra quyết định thanh tra về việc thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

3. Thành viên khác của Đoàn thanh tra là chuyên viên hoặc tương đương trở lên, do người ra quyết định thanh tra quyết định theo đề xuất của người được dự kiến làm Trưởng đoàn thanh tra; có đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều 82 của Luật Thanh tra; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Trưởng đoàn thanh tra và người ra quyết định thanh tra về việc thực hiện nhiệm vụ thanh tra được giao.

Điều 27. Xây dựng, phổ biến kế hoạch tiến hành thanh tra

1. Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm chủ trì xây dựng kế hoạch tiến

hành thanh tra, trình người ra quyết định thanh tra phê duyệt theo quy định. Trường hợp có yêu cầu về trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật chuyên dụng phục vụ hoạt động thanh tra thì phải có kế hoạch huy động, sử dụng, bảo dưỡng, bảo trì kỹ thuật đảm bảo không ảnh hưởng đến tiến độ thanh tra.

Trường hợp cần có sự phối hợp với các cơ quan chức năng khác để bảo đảm hoạt động thanh tra thực hiện được thì cần xác định trong kế hoạch tiến hành thanh tra và trao đổi với các cơ quan hữu quan để thống nhất.

2. Trưởng đoàn thanh tra tổ chức họp Đoàn thanh tra để phổ biến kế hoạch tiến hành thanh tra; phương pháp, cách thức tiến hành thanh tra; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Đoàn thanh tra.

3. Trường hợp có yêu cầu về trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật chuyên dụng phục vụ hoạt động thanh tra thì phải tổ chức tập huấn đảm bảo thành viên Đoàn thanh tra sử dụng thành thạo trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật đó.

Điều 28. Thời hạn xây dựng báo cáo kết quả thanh tra

1. Đối với cuộc thanh tra do Tổng cục, Cục thuộc Bộ tiến hành, thời gian xây dựng báo cáo kết quả thanh tra không quá 20 ngày, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

2. Đối với cuộc thanh tra do Cục thuộc Tổng cục tiến hành, thời gian xây dựng báo cáo kết quả thanh tra không quá 15 ngày, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày.

Điều 29. Thời hạn xây dựng dự thảo kết luận thanh tra

1. Đối với cuộc thanh tra do Tổng cục, Cục thuộc Bộ tiến hành, thời gian xây dựng dự thảo kết luận thanh tra không quá 20 ngày, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

2. Đối với cuộc thanh tra do Cục thuộc Tổng cục tiến hành, thời gian xây dựng dự thảo kết luận thanh tra không quá 15 ngày, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày.

Điều 30. Thẩm định dự thảo kết luận thanh tra

1. Khi xét thấy cần thiết, người ra quyết định thanh tra quyết định việc thẩm định dự thảo kết luận thanh tra theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 77 của Luật Thanh tra.

2. Việc thẩm định đối với các thông tin, tài liệu thu thập bằng phương tiện máy móc, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng phải được thẩm định bởi người có chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng theo quy định.

Điều 31. Ban hành kết luận thanh tra

1. Đối với cuộc thanh tra do Tổng cục, Cục thuộc Bộ tiến hành thì Bộ trưởng có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra hoặc giao cho Chánh Thanh tra Bộ đôn đốc, kiểm tra ban hành kết luận thanh tra bảo đảm đúng thời hạn theo quy định.

2. Đối với cuộc thanh tra do Cục thuộc Tổng cục tiến hành thì Tổng cục trưởng có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra để bảo đảm việc ban hành kết luận thanh tra đúng thời hạn theo quy định.

Mục 2

THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA CỦA CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO THỰC HIỆN CHỨC NĂNG THANH TRA CHUYÊN NGÀNH

Điều 32. Nguyên tắc thực hiện

Việc thực hiện kết luận thanh tra của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; trách nhiệm của đối tượng thanh tra, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và việc xử lý vi phạm trong thực hiện kết luận thanh tra được thực hiện theo quy định tại Luật Thanh tra, quy định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra và Nghị định này.

Điều 33. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

1. Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành phải có văn bản tổ chức thực hiện nội dung của kết luận thanh tra trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký ban hành kết luận thanh tra. Văn bản tổ chức thực hiện có các nội dung sau đây:

a) Xử lý hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý sai phạm về kinh tế;

b) Xử lý hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật;

c) Áp dụng hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật.

2. Văn bản chỉ đạo việc thực hiện nội dung kết luận thanh tra và kết quả thực hiện kết luận thanh tra phải được gửi cho Chánh Thanh tra, Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.

3. Khi chỉ đạo việc thực hiện kết luận thanh tra, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền yêu cầu đối tượng thanh tra trình phương án khắc phục sai phạm về kinh tế và xem xét, phê duyệt phương án khắc phục sai phạm bảo đảm thu hồi triệt để tiền và tài sản nhà nước, tạo điều kiện cho đối tượng thanh tra tiếp tục duy trì, phát triển sản xuất, kinh doanh.

Điều 34. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thủ trưởng cơ quan thanh tra được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm chỉ đạo việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, công khai việc thực hiện kết luận thanh tra và xử lý kịp thời vấn đề phát sinh.

2. Cơ quan nhà nước cấp trên trực tiếp hoặc cơ quan thanh tra của cơ quan nhà nước cấp trên trực tiếp của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Bãi bỏ các Nghị định liên quan đến cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

Bãi bỏ toàn bộ các Nghị định sau:

1. Nghị định 35/2009/NĐ-CP ngày 07/04/2016 về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường.
2. Nghị định 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành.
3. Nghị định số 82/2012/NĐ-CP ngày 9/10/2012 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Tài chính.
4. Nghị định số 90/2012/NĐ-CP ngày 5/11/2012 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Nội vụ.
5. Nghị định số 173/2012/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Văn hóa, thể thao và Du lịch.
6. Nghị định số 26/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Xây dựng.
7. Nghị định số 42/2013/NĐ-CP ngày 9/5/2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra giáo dục.
8. Nghị định số 57/2013/NĐ-CP ngày 31/5/2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Giao thông vận tải.
9. Nghị định số 140/2013/NĐ-CP ngày 20/10/2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra thông tin và truyền thông.
10. Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20/12/2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 27/2017/NĐ-CP ngày 15/3/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20/12/2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ.
11. Nghị định số 216/2013/NĐ-CP ngày 24/12/2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư.
12. Nghị định số 17/2014/NĐ-CP ngày 11/3/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngoại giao.

13. Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 29/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Tư pháp.

14. Nghị định số 122/2014/NĐ-CP ngày 25/12/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra y tế.

15. Nghị định số 47/2015/NĐ-CP ngày 14/5/2015 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

16. Nghị định số 127/2015/NĐ-CP ngày 14/12/2015 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Công Thương; Nghị định số 54/2020/NĐ-CP ngày 18/5/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 127/2015/NĐ-CP ngày 14/12/2015 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Công Thương.

17. Nghị định số 21/2016/NĐ-CP ngày 31/3/2016 của Chính phủ quy định việc thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế của Cơ quan bảo hiểm xã hội.

18. Nghị định số 110/2017/NĐ-CP ngày 4/10/2017 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Lao động, Thương binh và Xã hội.

Điều 36. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng 7 năm 2023.

Điều 37. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Thanh tra bộ, Chánh Thanh tra Tổng cục, Cục thuộc Bộ, Chánh thanh tra sở, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính